

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HS-ST

Ngày 24-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Nguyễn Văn Đ

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 40/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn C, sinh ngày 19 tháng 10 năm 1974 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 11, xã H, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Quang (tên gọi khác); con bà: Trần Thị Côi, có vợ là Phạm Thị Vui và 02 con, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 12 năm 2021, đến ngày 21 tháng 12 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

2. Trần Quốc K, sinh ngày 28 tháng 7 năm 1972 tại Hải Phòng; Nơi đăng ký trú: Thôn Đình, xã Hoàng Châu, huyện C, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 5, xã TH, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Lung (đã chết); con bà: Trần Thị Lư (đã chết), có vợ là Hoàng Thị Chinh và 02 con, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 12 năm 2021, đến ngày 21 tháng 12 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

3. Lại Hồ Đ, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1971, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 10, xã TH, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lại Hùng Đàm; con bà: Đỗ Thị T4 (đã chết), có vợ là Vũ Thị Thanh Chuyển và 02 con, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 12 năm 2021, đến ngày 21 tháng 12 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

4. Nguyễn Công T, sinh ngày 27 tháng 9 năm 1978, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký thường trú: Cụm 1, tổ dân phố Lương Năng, thị trấn C, huyện C, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 8, xã TH, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Huân (đã chết); con bà: Cao Thị Ninh, có vợ là Lê Thị Mai và 02 con, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 12 năm 2021, đến ngày 21 tháng 12 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

5. Bùi Văn Th, sinh ngày 01 tháng 3 năm 1987, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 2, xã N, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Khang; con bà: Lê Thị Băng, có vợ là Nguyễn Thị Huyền và 02 con, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 12 năm 2021, đến ngày 21 tháng 12 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

6. Đinh Viết T1, sinh ngày 08 tháng 10 năm 1987, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn Đồng Mới, xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đinh Viết Tuấn; con bà: Đinh Thị Hạnh có vợ là Lê Thị Hợp và 02 con, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 12 năm 2021, đến ngày 21 tháng 12 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

7. Vũ Văn T4, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1976, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 2, xã TH, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Vũ Đình Quát; con bà: Lại Thị Tý, có vợ là Hoàng Thị Dĩnh và 02 con, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 12 năm 2021, đến ngày 21 tháng 12 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

8. Phạm Đức M, sinh ngày 22 tháng 01 năm 1986 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 8, xã TH, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Bội; con bà: Phạm Thị Gái, có vợ là Phạm Thị Trang và 02 con, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 12 năm 2021,

đến ngày 21 tháng 12 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

9. Nguyễn Quang Tr, sinh ngày 02 tháng 11 năm 1986, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 5, xã TH, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quang Tiến (đã chết); con bà: Nguyễn Thị Bích, có vợ là Nguyễn Thị Hằng và 03 con, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 12 năm 2021, đến ngày 21 tháng 12 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

10. Phạm Văn C2, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1966 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn Bắc, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Phích và con bà: Nguyễn Thị Dong (đều đã chết), có vợ là Lại Thị Chuyển và 01 con, tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 12 năm 2021, đến ngày 21 tháng 12 năm 2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tất cả các bị cáo đều đang là công nhân của Công ty TNHH MTV Nam Triệu. Khoảng 12 giờ ngày 15 tháng 12 năm 2021, sau khi ăn cơm trưa xong, C, T1, T4 rủ nhau chơi đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền tại căn nhà bỏ hoang của Công ty Nam Triệu. C lấy 04 quân vị, 01 đĩa sứ, 01 bát sứ và 01 khăn vải có sẵn tại nhà hoang để cả nhóm cùng đánh bạc. C là người xóc cái và giam tiền, trực tiếp chơi bạc với các đối Tọng khác. Sau đó C2, T, K, Đ, Tr, Th cùng đến tham gia chơi bạc. M không đánh bạc nhưng là người có mặt tại đám đánh bạc, chứng kiến và cho các đối Tọng khác vay tiền đánh bạc nếu thiếu. Cả nhóm thống nhất cách thức đánh bạc với tỷ lệ ăn thua mỗi ván là 1:1 bằng cách đặt cửa chắn, lẻ như sau: 04 quân vị hình tròn được cắt từ bài tú lơ khơ chia mặt sấp-ngửa đặt vào lòng đĩa sứ, dùng 01 bát sứ úp lên để xóc cái; nếu 04 quân vị ra số mặt sấp-ngửa là số chẵn (02 hoặc 04 mặt giống nhau) thì người đặt cửa chắn Th, nếu là số lẻ (01 hoặc 03 mặt giống nhau) thì người đặt cửa lẻ Th thì người xóc cái phải trả tiền cho người đó và ngược lại. Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 15/12/2021, bị công an phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 10.600.000 đồng (mười triệu sáu trăm ngàn đồng); 04 quân vị, 01 đĩa sứ, 01 bát sứ và 01 khăn vải (kích thước 1,3m x 0,7m). Ngoài ra tạm giữ của các bị cáo số tiền như sau: K 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng), Đ 4.100.000 đồng (bốn triệu một trăm ngàn đồng), Tr 26.100.000 đồng (hai mươi sáu triệu một trăm ngàn đồng), T1 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng), M 53.400.000 đồng (năm mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

Quá trình bắt giữ, tại đám bạc còn có các đối Tọng Trần Văn C, Vũ Văn T4, Bùi Văn Th bỏ chạy. Đến 16 giờ cùng ngày, các đối Tọng C, T4, Th đến Công an

huyện Thủy Nguyên đầu thú. T4 giao nộp 350.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng) là tiền dùng đánh bạc.

Về số tiền tham gia đánh bạc, các bị cáo khai: C mang theo 5.850.000 đồng đánh bạc, không nhớ Th hay thua bạc. Khi bị Công an phát hiện, C đã ném toàn bộ số tiền lại chiếu bạc, bỏ chạy. Sau đó đến Công an huyện Thủy Nguyên đầu thú. K mang theo 3.000.000 đồng đánh bạc, Th bạc. Khi Công an bắt giữ thu của K 4.500.000 đồng. Đ mang theo 4.700.000 đồng, bỏ ra 1.700.000 đồng để đánh bạc, thua bạc. Khi Công an bắt giữ thu của Đ 4.100.000 đồng. Trong đó có 1.100.000 đồng dùng đánh bạc còn 3.000.000 đồng là tiền cá nhân, không dùng đánh bạc. Th mang theo 1.500.000 đồng đánh bạc, thua bạc. Khi bị Công an phát hiện, Th bỏ chạy. Sau đó đến Công an huyện Thủy Nguyên đầu thú. T4 mang theo 1.400.000 đồng đánh bạc, bị thua. Khi bị Công an phát hiện, T4 bỏ chạy. Sau đó đến Công an huyện Thủy Nguyên đầu thú, giao nộp 350.000 đồng tiền đánh bạc còn lại. T1 mang theo 1.400.000 đồng đánh bạc, bị thua. Khi Công an bắt giữ thu của T1 900.000 đồng. Tr mang theo 26.600.000 đồng, bỏ ra 1.000.000 đồng để đánh bạc, bị thua. Khi Công an bắt giữ thu của Tr 26.100.000 đồng. Trong đó có 500.000 đồng dùng đánh bạc còn 25.600.000 đồng là tiền cá nhân, không dùng đánh bạc. C2 mang theo 200.000 đồng để đánh bạc, bị thua. M mang theo 55.300.000 đồng chỉ đứng xem, không tham gia đánh bạc. M cho T vay 2.000.000 đồng để đánh bạc, M hưởng lãi 100.000 đồng nên chỉ đưa cho T 1.900.000 đồng. T vay của M 1.900.000 đồng để đánh bạc, bị thua hết.

Tổng số tiền các bị can dùng để đánh bạc là 18.050.000 đồng = 10.600.000 đồng (thu trên chiếu bạc) và 7.450.000 đồng thu trên người của các bị cáo dùng để đánh bạc (4.500.000 đồng của K; 1.100.000 đồng của Đ; 500.000 đồng của Tr; 900.000 đồng của T1; 350.000 đồng của T4; 100.000 đồng của M).

Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng gồm: 04 quân vị, 01 đĩa sứ, 01 bát sứ và 01 khăn vải (kích thước 1,3m x 0,7m). Số tiền 99.950.000 đồng, trong đó có 18.050.000 đồng là tiền các đối tượng dùng đánh bạc.

Tại Bản cáo trạng số 52/CT-VKSTN ngày 11 tháng 5 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố các bị cáo Trần Văn C, Trần Quốc K, Lại Hồ Đ, Nguyễn Công T, Bùi Văn Th, Đinh Viết T1, Vũ Văn T4, Nguyễn Quang Tr, Phạm Văn C2 và Phạm Đức M về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tại phiên tòa trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, riêng C, Th, T4, K, Đ, T1, M được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt **Trần Văn C** từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; các bị cáo **Trần Quốc K, Lại Hồ Đ, Bùi Văn Th, Đinh Viết T1, Vũ Văn T4, Phạm Đức M**, Nguyễn Công T, Nguyễn Quang Tr, Phạm Văn C2 mỗi bị cáo từ 09

đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách Tong ứng cho các bị cáo.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong Tr hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 04 quân vị, 01 đĩa sứ, 01 bát sứ và 01 khăn vải (kích thước 1,3m x 0,7m). Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 18.050.000 đồng. Đối với số tiền thu của Đ 3.000.000 đồng, của Tr 25.600.000 đồng của M mang theo 53.300.000 đồng quá trình điều tra xác định là tiền cá nhân, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo. Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định trong quá trình tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, của người được giao thẩm quyền tiến hành tố tụng đối với vụ án trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, định khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại thôn 8, xã TH, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng (khu nhà bỏ hoang của Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu), các bị cáo Trần Văn C, Trần Quốc K, Lại Hồ Đ, Nguyễn Công T, Bùi Văn Th, Đinh Viết T1, Vũ Văn T4, Nguyễn Quang Tr, Phạm Văn C2 và Phạm Đức M đã dùng số tiền 18.050.000 đồng để đánh bạc dưới hình thức “xóc đĩa” nên các bị cáo đã phạm vào tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nguy hiểm nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật Hình sự mới đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm chung. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo được áp dụng

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*phạm tội lần đầu và thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng*”, quy định tại các điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn C, Bùi Văn Th, Vũ Văn T4 khi bị phát hiện đã bỏ trốn nhưng sau đó đã ra đầu thú, bị cáo Trần Văn C có bố để được tặng thưởng huân chương hạng Nhì Trần Quốc K có thời gian 02 năm phục vụ trong quân đội, bị cáo Phạm Đức M, Lại Hồ Đ có bố, mẹ tham gia các mạng, bị cáo Đinh Viết T1 có ông ngoại là anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân nên các bị cáo K, Đ, T1, M. C, Th, T4 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Xét thấy các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo có khả năng tự cải tạo mà không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải buộc các bị cáo phải cách ly xã hội mà có thể áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Về phân hóa vai trò và hình phạt: Đây được xác định là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc với nhau từ trước về việc đánh bạc, số tiền tham gia đánh bạc không lớn (18.050.000 đồng). Bị cáo Trần Văn C là người khởi xướng và thực hành tích cực nên có vai trò cao nhất trong vụ án nên cần phải áp dụng mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo còn lại là người thực hành tích cực có vai trò ngang nhau nhưng thấp hơn bị cáo bị cáo Trần Văn C nên cần áp dụng mức hình phạt ngang nhau.

[6] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 04 quân vị, 01 đĩa sù, 01 bát sù và 01 khăn vải (kích thước 1,3m x 0,7m). Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 18.050.000 đồng. [Đối với số tiền thu giữ trong người của các bị cáo Lại Hồ Đ 3.000.000 đồng, Nguyễn Quang Tr 25.600.000 đồng. Phạm Đức M 53.300.000 đồng](#), quá trình điều tra xác định là tiền cá nhân, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho các bị cáo.

[8] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Văn C 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày T1 án. Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện Thủy Nguyên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Trần Quốc K 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày T1 án. Giao bị cáo cho UBND xã TH, huyện Thủy Nguyên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Lại Hồ Đ 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày T1 án. Giao bị cáo cho UBND xã TH, huyện Thủy Nguyên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Công T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày T1 án. Giao bị cáo cho UBND xã TH, huyện Thủy Nguyên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Bùi Văn Th 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày T1 án. Giao bị cáo cho UBND xã N, huyện Thủy Nguyên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Đinh Viết T1 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày T1 án. Giao bị cáo cho UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

7. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Vũ Văn T4 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày T1 án. Giao bị cáo cho UBND xã TH, huyện Thủy Nguyên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

8. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Đức M 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày T1 án. Giao bị cáo cho UBND xã TH, huyện Thủy Nguyên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

9. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Quang Tr 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày T1 án. Giao bị cáo cho UBND xã TH, huyện Thủy Nguyên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

10. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt Phạm Văn C2 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày T1 án. Giao bị cáo cho UBND xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong Tr hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ Tr hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; Tr hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Tr hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết Tr hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 04 quân vị, 01 đĩa sứ, 01 bát sứ và 01 khăn vải (kích thước 1,3m x 0,7m) (chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng). Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 18.050.000 đồng. Trả lại cho bị cáo Lại Hồ Đ 3.000.000 đồng, Nguyễn Quang Tr 25.600.000 đồng. Phạm Đức M 53.300.000

đồng (theo biên lai thu tiền số 0004626 ngày 05-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng). Tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T1 án.

Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra Công an h. Thủy Nguyên;
- Cơ quan THAHS CA huyện Thủy Nguyên;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Sở T pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND xã H, huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã TH, huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã N, huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Lập Lễ, huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai